TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2019/DS-ST
Ngày 27/9/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Hưng
2. Ông Bạch Ngọc Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thùy Ninh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 09 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 09 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín;** Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật của Ngân hàng: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Tổng giám đốc. Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Nhật Phương - Nhân viên Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (theo văn bản ủy quyền số 1414/2018/UQ-TTT ngày 28/8/2018 và số 1801/2019/UQ-TTT ngày 02/01/2019). Ông Phương có mặt.

- Bị đơn: **Ông Mai Văn Tú**, sinh năm 1974; HKTT: Số 7B, ngõ 255 Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; Địa chỉ: P1904 CT2 chung cư Nàng Hương, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Ông Tú vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2018, bản tự khai và các văn bản tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, trình bày:

Ngày 14/05/2013, ông Mai Văn Tú có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Tú, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 472075 - 1465 với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Tú đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 69.500.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Tú đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 57.700.000 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau. Cụ thể khi chuyển nợ quá hạn vào ngày 11/06/2015: Tổng số tiền ông Tú thanh toán là 57.700.000 đồng bao gồm: Phí trễ hạn là 3,744,013 đồng, phí thường niên, phí rút tiền mặt và phí tin nhắn là 1,833,000 đồng, phí vượt hạn mức là 400,000 đồng, lãi trong hạn là 24,530,556 đồng (lãi suất trong hạn là 2.15%/tháng) và một phần giao dịch là 27,192,431 đồng. Sau khi trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền gốc còn lại là 42,307,569 đồng.

Ông Tú sử dụng thẻ từ tháng 06/2013 đến tháng 05/2015 và có thanh toán đều cho Ngân hàng nhưng đến tháng 06/2015 thì ngưng thanh toán. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, gia hạn tạo điều kiện nhưng ông Tú vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Tú vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 11/06/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 42,307,569 đồng là 3.225%/tháng (150% lãi suất trong hạn). Tiền lãi quá hạn kể từ ngày 11/06/2015 đến ngày 06/09/2019 là 70,450,069 đồng. Tính đến ngày 06/09/2019, ông Tú còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc : 42,307,569 đồng

Lãi quá hạn : 70,450,069 đồng

Tổng cộng : 112,757,638 đồng

(Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi tám đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Tú, yêu cầu ông Tú có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông Tú trả nợ, tuy nhiên ông Tú vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

Buộc Ông Mai Văn Tú phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/09/2019 là **112,757,638** *(Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi tám đồng)* trong đó: Nợ gốc: 42,307,569 đồng và lãi quá hạn: 70,450,069 đồng. Ông Mai Văn Tú có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 07/09/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Về án phí: Ngân hàng đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật.

Bị đơn: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng ông Tú không đến tòa làm việc. Vì vậy, Tòa không tiến hành lấy được lời khai, không hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Đại diện nguyên đơn có mặt giữ nguyên yêu cầu Tòa án:

- Buộc Ông Mai Văn Tú phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/09/2019 là **113,712,739 đồng** *(Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu, bảy trăm mười hai nghìn, bảy trăm ba mươi chín đồng)* trong đó: Nợ gốc: 42,307,569 đồng; Lãi quá hạn: 71,405,170 đồng.

- Ông Mai Văn Tú có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/09/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Về án phí: Ngân hàng đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật.

Ngoài yêu cầu trên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

* Bị đơn vắng mặt, không có lý do, không có bất cứ ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa có ý kiến**:

Về tố tụng: Quá trình tòa án tiến thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về thời hạn xét xử vụ án có quá thời hạn theo quy định của pháp luật và đã có Quyết định gia hạn thời hạn xét xử theo quy định.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông nhận định về nội dung Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) thực hiện đúng theo quy đinh pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, buộc ông Tú có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí. Ông Mai Văn Tú phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

* Về thẩm quyền: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín với ông Mai Văn Tú, vay với mục đích tiêu dùng các nhân vì vậy xác định đây là vụ án tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Mai Văn Tú có địa chỉ cư trú tại P1904 CT2 chung cư Nàng Hương, phường Văn Quán, quận Hà Đông, TP Hà Nội nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

* Về quyền khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp-Công ty cổ phần, mã số 0301103908, đăng ký lần đầu ngày 13/01/1992, thay đổi lần thứ 38 ngày 27/7/2017, được cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 0006/NH-GP ngày 15/12/1991 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam (Sacombank.com.vn). Có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, nội dung hoạt động là: nhận gửi tiền, cấp tín dụng…

Như vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín được thành lập hợp pháp, đúng quy định của pháp luật, được toàn quyền khởi kiện các vấn đề liên quan trong hoạt động tín dụng của Ngân hàng.

* Về việc cấp, tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng:

Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội đã tiến hành xác minh về nơi cư trú của ông Mai Văn Tú tại 02 địa chỉ: theo HKTT là số 7B, ngõ 255 Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội và theo địa chỉ cư trú là P1904 CT2 chung cư Nàng Hương, phường Văn Quán, quận Hà Đông, TP Hà Nội (theo hợp đồng do nguyên đơn cung cấp) và được Công an phường Nhân Chính xác nhận ông Tú đã chuyển đi nơi khác từ năm 2011, Công an phường Văn Quán xác nhận ông Mai Văn Tú đã không còn ở tại địa chỉ cư trú từ năm 2014, khi đi không thông báo cho địa phương, không biết ông Tú hiện đang cư trú ở địa chỉ nào. Tòa án nhân dân quận Hà Đông cũng có yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Tú và thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Tú, Ngân hàng đã từ chối thực hiện với lý do căn cứ vào Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015 là đã đủ căn cứ khởi kiện theo quy định pháp luật và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào Nghị quyết số 04/2017/NQ-HDTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân quận Hà Đông nhận thấy: Nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ nơi cư trú của ông Mai Văn Tú là: P1904 CT2 chung cư Nàng Hương, phường Văn Quán, quận Hà Đông, TP Hà Nội, cũng là địa chỉ ông Tú cung cấp cho Ngân hàng tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng cho Tòa án theo đúng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Tú đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và địa chỉ cư trú tại P1904 CT2 chung cư Nàng Hương, phường Văn Quán, quận Hà Đông, TP Hà Nội được xác định là nơi cư trú cuối cùng của ông Tú và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn (Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04).

Ông Tú sử dụng thẻ từ tháng 06/2013 đến tháng 05/2015 và có thanh toán đều cho Ngân hàng nhưng đến tháng 06/2015 thì ngưng thanh toán. Do Ông Tú vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 11/06/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Từ thời điểm ngày 11/6/2015 đến nay, Ngân hàng nhiều lần liên lạc với ông Tú theo địa chỉ cư trú: P1904 CT2 chung cư Nàng Hương, phường Văn Quán, quận Hà Đông, TP Hà Nội, theo số điện thoại: 0934181974 và địa chỉ email cá nhân: Mvtu74@gmail.com do ông Tú cung cấp cho Ngân hàng, tuy nhiên ông Tú không có bất cứ phản hồi nào đến Ngân hàng. Cho thấy ông Tú đã cố tình trốn tránh các nghĩa vụ đã được ký kết trong Hợp đồng.

Tòa án nhân dân quận Hà Đông căn cứ vào Điều 177, Điều 179 thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Mai Văn Tú tại cả địa chỉ đăng ký thường trú và tại cả địa chỉ cư trú là hợp lệ và phù hợp quy định pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do trong tất cả các buổi làm việc. Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Mai Văn Tú.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Tú, Hội đồng xét xử nhận thấy:

* Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 14/5/2013 của ông Mai Văn Tú yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín phát hành thẻ tín dụng quốc tế. Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày

14/5/2013, Bản Điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, thu nhập của ông Tú, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng quốc tế Sacombank Visa số 472075 - 1465 với hạn mức sử dụng là 50,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân cho ông Mai Văn Tú. Chủ thể ký kết hợp đồng có năng lực pháp luật dân sự, tham gia hoàn toàn tự nguyện. Hình thức, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 13/5/2013 được coi là hợp pháp, có hiệu lực.

* Đối với yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc: 42,307,569 đồng: Căn cứ thu nhập của ông Tú, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 472075 - 1465 với hạn mức sử dụng là 50,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Tú đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 69,500,000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Tú đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 57,700,000 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau. Cụ thể khi chuyển nợ quá hạn vào ngày 11/06/2015: Tổng số tiền ông Tú thanh toán là 57,700,000 đồng bao gồm: Phí trễ hạn là 3,744,013 đồng, phí thường niên, phí rút tiền mặt và phí tin nhắn là 1,833,000 đồng, phí vượt hạn mức là 400,000 đồng, lãi trong hạn là 24,530,556 (lãi suất trong hạn là 2.15%/tháng) và một phần giao dịch là 27,192,431 đồng. Sau khi trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền gốc còn lại là 42,307,569 đồng.

* Đối với yêu cầu thanh toán số tiền nợ lãi: 71,405,170 đồng: Ông Tú sử dụng thẻ từ tháng 06/2013 đến tháng 05/2015 và có thanh toán đều cho Ngân hàng nhưng đến tháng 06/2015 thì ngưng thanh toán. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, gia hạn tạo điều kiện nhưng ông Tú vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Tú vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 11/06/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 42,307,569 đồng là 3.225%/tháng (bằng150% lãi suất trong hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) tính từ ngày 11/6/2015 đến ngày 27/9/2019 là: 71,405,170 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 qui định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: "1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn";

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 qui định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau: "1. Tổ
chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. 2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật";

Căn cứ Các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín qui định tại Điều 2 về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ.

Căn cứ khoản 3 Điều 6 và khoản 2 Điều 22 của Qui chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp qui định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước qui định như sau: "Tổ chức phát hành thẻ, Tổ chức thanh toán thẻ phải công bố các loại phí và mức phí cho bên phải trả phí trước khi bên phải trả phí sử dụng dịch vụ" và qui định về nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: " Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thoả thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ.";

Căn cứ khoản 1 Thông tư số 01/2009/TT-NHNN ngày 23/01/2009 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam hướng dẫn về lãi suất thỏa thuận của tổ chức tín dụng đối với cho vay các nhu cầu vốn phục vụ đời sống, cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng: "1. Tổ chức tín dụng thực hiện lãi suất thoả thuận đối với cho vay các nhu cầu vốn phục vụ đời sống, cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và trên cơ sở cung - cầu vốn thị trường, mức độ tín nhiệm của khách hàng vay";

Căn cứ Điều 1, Điều 2 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận như sau: "Điều 1. Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả. Điều 2. Tổ chức tín dụng niêm yết công khai lãi suất cho vay ở mức hợp lý, trên cơ sở cung - cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng vay, tiết kiệm chi phí hoạt động, tạo điều kiện cho khách hàng tiếp cận vốn vay để phát triển sản xuất - kinh doanh, nhất là khu vực nông nghiệp và nông thôn, doanh nghiệp xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa; điều chỉnh lãi suất cho vay phù hợp với mức biến động của lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam và mục tiêu, giải pháp điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.";

Căn cứ Thông báo về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Sacombank của Ngân hàng áp dụng cho thẻ Sacombank Visa và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng do Ngân hàng cung cấp, mức lãi suất được áp dụng từ năm 2011 đến nay, cụ thể từ ngày ký hợp đồng cho đến ngày chấm dứt hợp đồng 11/6/2015 là 2.15%/tháng. Căn cứ bảng tóm tắt sao kê đối với khoản nợ của ông Tú tính đến ngày 27/9/2019, do ông Tú vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 11/06/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ

và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, với mức lãi suất 3.225% (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Căn cứ vào các quy định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đã áp dụng mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn đã ký kết trong hợp đồng là phù hợp với các điều khoản trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Mai Văn Tú thanh toán khoản nợ gốc và khoản lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 14/5/2013 là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Tổng số tiền ông Tú phải thanh toán cho nguyên đơn là: **113,712,739 đồng** *(Một trăm mười ba triệu, bảy trăm mười hai nghìn, bảy trăm ba mươi chín đồng)*.

Tại phiên Tòa hôm nay ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2014;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phấn TAND tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 04/2017/NQ-HDTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 3 Điều 6 và khoản 2 Điều 22 của Qui chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp qui định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Áp dụng Thông tư số 01/2009/TT-NHNN ngày 23/012009 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam hướng dẫn về lãi suất thỏa thuận của tổ chức tín dụng đối với cho vay

các nhu cầu vốn phục vụ đời sống, cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng;

Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đối với ông Mai Văn Tú.

- Xác nhận ông Mai Văn Tú còn nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương Tín theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 14/5/2013 tính đến ngày 27/09/2019 số tiền: **113,712,739 đồng** *(Một trăm mười ba triệu, bảy trăm mười hai nghìn, bảy trăm ba mươi chín đồng)* trong đó: Nợ gốc: 42,307,569 đồng (bốn mươi hai triệu, ba trăm linh bảy nghìn, năm trăm sáu mươi chín đồng); Lãi quá hạn: 71,405,170 đồng (bảy mươi mốt triệu, bốn trăm linh năm nghìn, một trăm bảy mươi đồng).

- Buộc ông Mai Văn Tú phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín tổng số tiền nợ tính đến ngày 27/9/2019 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 14/5/2013 là **113,712,739 đồng** *(Một trăm mười ba triệu, bảy trăm mười hai nghìn, bảy trăm ba mươi chín đồng)*.

2. Về án phí: Ông Mai Văn Tú phải chịu 5.685.636 đồng (năm triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm ba sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp).

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.350.000 đồng (hai triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002391 ngày 27/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày tiếp theo sau ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Mai Văn Tú có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Vân

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- Chi cục THADS quận Hà Đông;
- Đương sự;
- Lưu HS, VT.